

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BẾN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÙI THỊ XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		278.600	195.000	167.200
2	BÙI VIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		262.500	183.800	157.500
3	CALMETTE	TRỌN ĐƯỜNG		269.300	188.500	161.600
4	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		307.400	215.200	184.400
5	CÔNG QUỲNH	TRỌN ĐƯỜNG		270.600	189.400	162.400
6	ĐẶNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		264.100	184.900	158.500
7	ĐẶNG TRẦN CÔN	TRỌN ĐƯỜNG		202.300	141.600	121.400
8	ĐỀ THÁM	TRỌN ĐƯỜNG		211.300	147.900	126.800
9	ĐỖ QUANG ĐẦU	TRỌN ĐƯỜNG		204.300	143.000	122.600
10	HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	TRỌN ĐƯỜNG		204.900	143.400	122.900
11	HUỲNH THỨC KHÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		430.400	301.300	258.200
12	HÀM NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		429.300	300.500	257.600
13	KỶ CON	TRỌN ĐƯỜNG		271.100	189.800	162.700
14	LÝ TỰ TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		429.300	300.500	257.600
15	LƯƠNG HỮU KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		221.200	154.800	132.700
16	LÊ ANH XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		337.200	236.000	202.300
17	LÊ CÔNG KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		226.400	158.500	135.800
18	LÊ LAI	CHỢ BẾN THÀNH	NGUYỄN THỊ NGHĨA	450.100	315.100	270.100
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÃI	409.600	286.700	245.800
19	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		687.200	481.000	412.300
20	LÊ THÁNH TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		491.700	344.200	295.000
21	LÊ THỊ HỒNG GẮM	NGUYỄN THÁI HỌC	CALMETTE	277.000	193.900	166.200

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BẾN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		CALMETTE	PHỐ ĐỨC CHÍNH	276.700	193.700	166.000
22	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		307.400	215.200	184.400
23	LƯU VĂN LANG	TRỌN ĐƯỜNG		409.700	286.800	245.800
24	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HAI BÀ TRUNG	CÔNG QUỲNH	305.800	214.100	183.500
25	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	VÕ VĂN KIỆT	HÀM NGHI	368.900	258.200	221.300
		HÀM NGHI	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	323.200	226.200	193.900
26	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		409.700	286.800	245.800
27	NGUYỄN CÔNG TRỨ	NGUYỄN THÁI HỌC	PHỐ ĐỨC CHÍNH	281.000	196.700	168.600
		PHỐ ĐỨC CHÍNH	HỒ TÙNG MẬU	340.000	238.000	204.000
28	NGUYỄN CƯ TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		267.800	187.500	160.700
29	NGUYỄN DU	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	266.400	186.500	159.800
30	NAM QUỐC CANG	TRỌN ĐƯỜNG		246.900	172.800	148.100
31	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		271.300	189.900	162.800
32	NGUYỄN THÁI HỌC	TRẦN HƯNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	326.200	228.300	195.700
		ĐOẠN CÒN LẠI		295.700	207.000	177.400
33	NGUYỄN THỊ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		326.200	228.300	195.700
34	NGUYỄN TRUNG TRỰC	LÊ LỢI	LÊ THÁNH TÔN	398.400	278.900	239.000
		LÊ THÁNH TÔN	NGUYỄN DU	358.700	251.100	215.200

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BẾN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
35	NGUYỄN TRÃI	NGÃ 6 PHỦ ĐÔNG	CÔNG QUỲNH	409.900	286.900	245.900
36	NGUYỄN VĂN TRẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		205.600	143.900	123.400
37	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		409.900	286.900	245.900
38	PHAN CHÂU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		409.900	286.900	245.900
39	PHAN VĂN TRUỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		225.500	157.900	135.300
40	PHẠM HỒNG THÁI	TRỌN ĐƯỜNG		443.300	310.300	266.000
41	PHẠM NGŨ LÃO	PHỐ ĐỨC CHÍNH	NGUYỄN THỊ NGHĨA	340.100	238.100	204.100
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÃI	367.900	257.500	220.700
42	PHỐ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		294.400	206.100	176.600
43	SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		358.700	251.100	215.200
44	THỦ KHOA HUÂN	NGUYỄN DU	LÝ TỰ TRỌNG	428.000	299.600	256.800
		LÝ TỰ TRỌNG	LÊ THÁNH TÔN	450.100	315.100	270.100
45	TRẦN HƯNG ĐẠO	QUÁCH THỊ TRANG	NGUYỄN THÁI HỌC	320.900	224.600	192.500
		NGUYỄN THÁI HỌC	NGUYỄN KHẮC NHU	354.000	247.800	212.400
46	TRỊNH VĂN CÁN	TRỌN ĐƯỜNG		239.500	167.700	143.700
47	TRƯƠNG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		369.300	258.500	221.600
48	TÔN THẮT TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		294.400	206.100	176.600
49	VÕ VĂN KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		202.200	141.500	121.300
50	YERSIN	TRỌN ĐƯỜNG		297.200	208.000	178.300